

Số: 79 /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 24 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Cộng tác viên dân số;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ hằng tháng đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 673/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không

chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- UB MTTQ VN TP và các đoàn thể TP;
- VP TU, Các Ban của TU;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND TP;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố;
- Các Phòng: NVKTGS, TC;
- Lưu: VT, P.T.Nguyệt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Trọng Đức



QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng
đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động
ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban Công tác Mặt trận.
- Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố gồm: Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên, Nhân viên y tế, Cộng tác viên dân số, Nhân viên Thú y ở thôn, Cộng tác viên quản lý đô thị ở tổ dân phố.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (cấp xã); thôn, tổ dân phố; cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Tiêu chuẩn đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Tiêu chuẩn đối với Bí thư Chi bộ: Thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hướng dẫn của Ban Bí thư, các văn bản hướng dẫn của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Tiêu chuẩn đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

a) Về độ tuổi: Tại thời điểm bầu hoặc chỉ định chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lần đầu không quá 65 tuổi;

b) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Có trình độ từ trung cấp trở lên; ưu tiên người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn;

c) Về trình độ tin học: Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin (soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm quản lý, hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của chính quyền cấp xã và các ứng dụng điện tử, các nền tảng số cơ bản có liên quan) để triển khai nhiệm vụ tại thôn, tổ dân phố;

d) Trường hợp tại thời điểm Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b, điểm c khoản này thì phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Hết thời hạn trên mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

3. Tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quy định, hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quy định của Ban Thường vụ Thành ủy về tiêu chuẩn chức danh Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh khác thì ngoài phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, còn phải đảm bảo tiêu chuẩn của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 4. Nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo chức danh đảm nhiệm; trực tiếp hoặc phối hợp triển khai các hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và Quy chế của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Nhiệm vụ của Bí thư Chi bộ: Thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Đảng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; Luật

Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Công tác Mặt trận: Thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quy định, hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III **TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI NGƯỜI** **THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Điều 5. Tiêu chuẩn chung đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung sau đây:

1. Là công dân Việt Nam cư trú tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nơi đảm nhiệm các nhiệm vụ ở thôn, tổ dân phố và am hiểu tình hình địa bàn dân cư nơi được giao nhiệm vụ.

2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cộng đồng dân cư. Đối với chức danh thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, phải bảo đảm tiêu chuẩn theo điều lệ (nếu có), hướng dẫn của tổ chức và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, có uy tín; có đủ sức khỏe và khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao ở thôn, tổ dân phố.

4. Có khả năng phối hợp với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong tuyên truyền, vận động Nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ ở cộng đồng dân cư.

Điều 6. Tiêu chuẩn cụ thể đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố ngoài đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 5 Quy định này phải đáp ứng tiêu chuẩn cụ thể sau đây:

1. Tiêu chuẩn đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố: Có khả năng hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố, nắm tình hình dân cư, địa bàn; có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Tiêu chuẩn đối với Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên: Đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều lệ, quy định, hướng dẫn của tổ chức chính trị - xã hội, có liên quan và các quy định của pháp luật có liên quan; có khả năng vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tham gia phong trào, hoạt động tại cộng đồng dân cư.

3. Tiêu chuẩn đối với Nhân viên y tế: Đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 2 Thông tư số 27/2023/TT-BYT quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản.

4. Tiêu chuẩn đối với Cộng tác viên dân số: Đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Cộng tác viên dân số.

5. Tiêu chuẩn đối với Cộng tác viên quản lý đô thị ở tổ dân phố: Có khả năng theo dõi, phát hiện, phản ánh kịp thời các vi phạm và các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý đô thị trên địa bàn; có kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, bảo vệ kết cấu hạ tầng và các quy định khác có liên quan; có tinh thần trách nhiệm, am hiểu địa bàn và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Tiêu chuẩn đối với Nhân viên thú y ở thôn:

a) Được đào tạo trình độ sơ cấp hoặc có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền cấp về các ngành và chuyên ngành: thú y, chăn nuôi thú y, chăn nuôi, bệnh học thủy sản, nuôi trồng thủy sản;

b) Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Hiểu biết và chấp hành các quy định của pháp luật về thú y và pháp luật khác có liên quan; nắm bắt và đánh giá được tình hình phát triển chăn nuôi động vật, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quản lý; có kiến thức nhận biết dịch bệnh động vật trên địa bàn quản lý; có năng lực tham mưu, tổ chức, thực hiện công tác thú y; có kỹ năng tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện quy định pháp luật về thú y; có ý thức trách nhiệm, tinh thần học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

7. Trường hợp người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh khác thì ngoài phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, còn phải đảm bảo tiêu chuẩn của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 7. Nhiệm vụ của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo điều lệ (nếu có) hoặc hướng dẫn của tổ chức mà mình là thành viên và quy định của pháp luật có liên quan, hướng dẫn chuyên môn của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân triển khai các phong trào, cuộc vận động, nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư và các nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố; chấp hành sự phân công nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Nhiệm vụ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố: Giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo phân công; trực tiếp theo dõi một số địa bàn, nhóm hộ, lĩnh vực công việc; nắm tình hình, kịp thời phản ánh, kiến nghị những vấn đề phát sinh ở cộng đồng dân cư; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố xử lý công việc khi được phân công theo quy định.

2. Nhiệm vụ của Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Nông dân: Thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ, quy định, hướng dẫn của tổ chức chính trị - xã hội và quy định của pháp luật có liên quan; vận động hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, chính sách, phong trào thi đua, cuộc vận động, hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ nhau tại cộng đồng dân cư.

3. Nhiệm vụ của Bí thư Chi đoàn Thanh niên: Thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Đoàn, quy định, hướng dẫn của Đoàn cấp trên và quy định của pháp luật có liên quan; vận động đoàn viên, thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, tổ chức phòng thủ dân sự bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng đời sống văn hóa và các phong trào thanh niên tại thôn, tổ dân phố.

4. Nhiệm vụ của Nhân viên y tế: Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 27/2023/TT-BYT.

5. Nhiệm vụ của Cộng tác viên dân số: Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT.

6. Nhiệm vụ của Nhân viên thú y ở thôn:

Phối hợp hoặc thực hiện theo chỉ đạo của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định các nhiệm vụ sau:

a) Hướng dẫn kê khai hoạt động chăn nuôi và thống kê đàn vật nuôi đến tận hộ, cơ sở chăn nuôi tại thôn;

b) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả hoạt động chăn nuôi và thú y trên địa bàn thôn định kỳ theo quy định hoặc đột xuất khi có yêu cầu;

c) Phối hợp thực hiện tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi, phát hiện, giám sát, báo cáo tình hình dịch bệnh động vật và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn thôn theo sự chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định;

d) Phối hợp xử lý ổ dịch bệnh động vật, phối hợp nhân viên y tế thôn triển khai các biện pháp dự phòng lây nhiễm các bệnh từ động vật sang người theo quy định;

đ) Phối hợp thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y trên địa bàn khi được phân công theo quy định; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các quy định của pháp luật về chăn nuôi và thú y, quy định về bảo vệ môi trường trong các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật theo quy định;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo, phân công theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Nhiệm vụ của Cộng tác viên quản lý đô thị ở tổ dân phố:

a) Phối hợp hoặc hỗ trợ cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng, trật tự đô thị, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, quản lý đất đai theo quy định;

b) Phối hợp hoặc hỗ trợ cơ quan, đơn vị liên quan trong việc nắm bắt tình hình xây dựng, giao thông, trật tự đô thị trên địa bàn tổ dân phố, gồm: sử dụng lòng đường, vỉa hè; di chuyển, chặt hạ, cắt tỉa cây xanh; đấu nối hạ tầng cấp, thoát nước; thu gom rác thải và các nội dung khác có liên quan; kịp thời thông tin, báo cáo để cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra, ngăn chặn, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định; phối hợp trong việc lập hồ sơ xử lý, khắc phục hậu quả đối với vi phạm trong các lĩnh vực nêu trên theo chỉ đạo của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

8. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan giao phù hợp với chức danh, năng lực, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 8. Việc quản lý, sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Việc bố trí, kiện toàn, công nhận, cho thôi giữ chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố phải bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình, tiêu chuẩn, số lượng, chức danh theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm địa bàn, điều kiện thực tế của thôn, tổ dân phố, cụ thể như sau:

a) Đối với Bí thư chi bộ: Việc bố trí, kiện toàn, công nhận, cho thôi giữ chức danh thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của các cơ quan Đảng và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Việc chỉ định lâm thời, bầu, công nhận kết quả bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Đối với Trưởng Ban Công tác Mặt trận: Việc bố trí, công nhận, kiện toàn, cho thôi giữ chức danh thực hiện theo Điều lệ, quy định, hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Đối với chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố: Căn cứ quy định của Hội đồng nhân dân thành phố về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, các văn bản về việc kiện toàn hoặc ý kiến của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa

chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận hoặc cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy định này, Điều lệ của tổ chức mà mình là thành viên (nếu có) và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố để hỗ trợ hoạt động của mình; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, phù hợp với chức danh, năng lực, điều kiện thực tế, yêu cầu nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

4. Khi phát sinh nhiệm vụ liên quan đến nhiều chức danh; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Bí thư chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các cơ quan, tổ chức có liên quan để thống nhất nội dung, phân công thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm rõ người, rõ việc, không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Chế độ thông tin, báo cáo trong thực hiện nhiệm vụ

1. Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có trách nhiệm tham gia giao ban, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo về tình hình hoạt động của thôn, tổ dân phố định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

3. Trưởng Ban Công tác Mặt trận tổng hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân, đoàn viên, hội viên ở thôn, tổ dân phố với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phản ánh với Ủy ban nhân dân cấp xã những vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước theo quy định.

4. Hình thức báo cáo được thực hiện bằng văn bản giấy, văn bản điện tử, phần mềm quản lý, nhóm thông tin công vụ hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật. Hình thức báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, thời gian báo cáo, mẫu đề cương báo cáo, quy trình thực hiện báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, bảo đảm kịp thời, chính xác, thuận tiện, tiết kiệm và theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Thẩm quyền thực hiện đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

a) Đối với Bí thư Chi bộ: Việc đánh giá, xếp loại thực hiện theo quy định của Đảng;

b) Đối với Trưởng Ban Công tác Mặt trận: Việc đánh giá, xếp loại thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố;

d) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố thực hiện đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

đ) Căn cứ vào nhận xét, đánh giá của các tổ chức, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố thực hiện đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên, Nhân viên thú y, Cộng tác viên quản lý đô thị, Nhân viên y tế, Cộng tác viên dân số.

2. Về nội dung, tiêu chí, thời gian thực hiện, kết quả đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện, nhiệm vụ đối với các chức danh thuộc thẩm quyền đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp xã và của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, cụ thể như sau:

a) Nội dung đánh giá, xếp loại gồm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân; việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ với các tổ chức, cá nhân có liên quan; việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định;

b) Tiêu chí đánh giá, xếp loại: Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nội dung quy định tại điểm a khoản này và nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh để ban hành tiêu chí cụ thể về đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; hướng dẫn triển khai thực hiện việc đánh giá, xếp loại đảm bảo phù hợp đặc thù công việc và điều kiện cụ thể của địa phương;

c) Thời gian đánh giá, xếp loại: Triển khai thực hiện cùng thời điểm với việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm theo quy định;

d) Kết quả đánh giá được xếp loại theo các mức sau đây: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ;

đ) Kết quả đánh giá, xếp loại là căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, xem xét tiếp tục bố trí, kiện toàn hoặc cho thôi giữ

chức danh người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 11. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Người vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Đảng, Điều lệ của tổ chức có liên quan, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao theo quy định thì tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các kỹ năng khác theo yêu cầu nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật.

3. Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát nhu cầu, xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, quyết định cử người tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện và hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Hằng năm, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

3. Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; hướng dẫn Ủy ban

nhân dân cấp xã lập, xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý, sử dụng, thống kê, báo cáo đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

4. Tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Quy định này; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo, thống kê đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách thành phố và đề xuất của Sở Nội vụ và các đơn vị, địa phương, Sở Tài chính tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách, công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trong dự toán ngân sách hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai thực hiện việc bố trí, sử dụng, quản lý đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền quản lý theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc có liên quan cho ý kiến về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đối với các chức danh Nhân viên y tế, Cộng tác viên dân số, Nhân viên thú y ở thôn, Cộng tác viên quản lý đô thị ở tổ dân phố trước khi quyết định.

3. Trên cơ sở đề xuất của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện việc rà soát, tổng hợp danh sách, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận hoặc cho thôi giữ các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

4. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tham mưu việc lập, thông báo danh sách người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố định kỳ hàng tháng hoặc khi có thay đổi về nhân sự để làm căn cứ quản lý, sử dụng và thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo quy định.

5. Chỉ đạo thực hiện việc lập, xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý, sử dụng, thống kê, báo cáo đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định.

6. Hằng năm, thực hiện rà soát nhu cầu, dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; cử người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng; khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

7. Hằng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan tài chính tổng hợp, lập dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố đã được bố trí, công nhận hoặc kiện toàn trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Trường hợp đảm bảo các tiêu chuẩn theo Quy định này thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành quyết định kiện toàn, thay thế hoặc cho thôi làm nhiệm vụ theo quy định.

2. Trường hợp không đảm bảo các tiêu chuẩn theo Quy định này thì tiếp tục thực hiện hoặc kiện toàn, thay thế, cho thôi làm nhiệm vụ theo quy định. Riêng đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 3 Quy định này thì được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.